

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 10 năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh và bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020,
năm 2019 chuyển sang năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 14 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung tại Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh và bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, năm 2019 chuyển sang năm 2020; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày.....tháng 9 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất,

PHỤ LỤC I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22
	TỔNG SỐ					4.278.626	2.097.324	300.814	29.891	1.884.738	1.280.679	1.349.708	872.173	800.345	684.597	684.597	17.155	17.155	684.597		
A	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN					290.844	138.864	70.877	-	146.107	106.107	65.618	28.044	22.000	22.000	23.000	1.000	-	23.000		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					290.844	138.864	70.877	-	146.107	106.107	65.618	28.044	22.000	22.000	23.000	1.000	-	23.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau			7070714	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008; 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	144.560	33.580	70.877	-	38.580	38.580	18.418	15.844	10.600	10.600	10.600			10.600		Vườn Quốc gia U Minh hạ
2	Công trình đầu tư rừng giống, vườn giống, vườn ươm cây rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	280	283	7626031	2431/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867			7.867	7.867	2.000	2.000	3.000	3.000	3.000			3.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2	280	281	7578614	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 78/QĐ-UBND ngày 16/01/2018; 1682/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	63.060	48.060			63.060	48.060	20.000	5.000	2.000	2.000	3.000	1.000		3.000	Thanh toán khối lượng thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020			7599744	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.357	49.357			36.600	11.600	25.200	5.200	6.400	6.400	6.400			6.400		Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau
B	GIAO THÔNG					2.316.250	834.942	192.564	16.664	626.624	275.528	838.848	435.752	311.500	239.500	239.500	0	0	239.500		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					2.316.250	834.942	192.564	16.664	626.624	275.528	838.848	435.752	311.500	239.500	239.500	0	0	239.500		
1	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân			7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	89.981	16.664	16.664	73.317	73.317	45.753	45.753	15.000	15.000	15.000			15.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Răng - Sông Đốc).			7249003	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2020	1.521.792	593.000	100.000	-	481.096	160.000	764.096	371.000	283.000	211.000	211.000			211.000		Sở Giao thông Vận tải
3	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ ANQP khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc)			7249001	1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	657.270	113.550	75.900	-	13.800	3.800	13.800	3.800	1.500	1.500	1.500			1.500		Sở Giao thông vận tải
4	Tuyến đường vào Khu căn cứ Huyện ủy huyện Thới Bình			7653862	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	23.796	15.000			35.000	15.000	10.000	10.000	3.000	3.000	3.000			3.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
5	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiềm Lâm, thị trấn Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân			7685902	382/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	23.411	23.411			23.411	23.411	5.199	5.199	9.000	9.000	9.000			9.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
C	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ					651.552	183.353	24.146	-	206.985	67.770	35.229	28.364	33.360	33.360	33.633	273	0	33.633		

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tăng (+)	Giảm (-)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22	
II	Dự án khởi công mới năm 2020					17.886	17.886	-	-	16.097	16.097	950	950	8.000	8.000	8.000	0	0	8.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng một số công trình tại các Trạm Kiểm soát Biên phòng Đá Bạc, Bò Đê, Hồ Gài và Khánh Hội			7004686	1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	17.886	17.886			16.097	16.097	950	950	8.000	8.000	8.000			8.000		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	
I	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					-	-	-	-	-	-	-	-	6.606	6.606	5.806		800	5.806		Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai	
1	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ môi trường và Trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Cà Mau													51	51	51			51		Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cái Nước													200	200	200			200		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Tân Hưng, huyện Cái Nước													400	400	400			400		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông N1 (giai đoạn 2) Khu công nghiệp Khánh An													300	300	300			300		Ban Quản lý Khu kinh tế	
5	Tuyến đường tránh chợ thị trấn U Minh, huyện U Minh (phần nền hạ tuyến đường)													800	800	800			800		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Khánh Lâm, huyện U Minh													600	600	600			600		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
7	Đoạn đường từ cầu Ông Khện xã Nguyễn Phích đến chợ Vàm Cái Tàu xã Khánh An, huyện U Minh													700	700	700			700		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
8	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Cà Mau													800	800	0		800	0	Chờ thông qua phương án kiến trúc	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
9	Dự án đầu tư xây dựng bến xe khách xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển													155	155	155			155		Sở Giao thông vận tải	
10	Trụ sở hành chính phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau													300	300	300			300		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
11	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc, huyện Thới Bình													600	600	600			600		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
12	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình													600	600	600			600		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
13	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình													600	600	600			600		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
14	Trụ sở hành chính xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời													500	500	500			500		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
K	VỐN LẬP QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050													15.548	15.548	9.000		6.548	9.000		Đang thẩm định dự toán kinh phí	Sở Kế hoạch và Đầu tư
L	CHI TRẢ NỢ GỐC ĐẾN HẠN NĂM 2020													29.939	29.939	29.939			29.939		Sở Tài chính thực hiện thủ tục chi trả theo quy định	

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH VÀ BỔ SUNG DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)		Giảm (-)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22
TỔNG SỐ						9.871.366	2.759.625	673.492	283.163	3.699.690	2.274.159	1.444.868	795.391	1.474.729	900.485	900.485	81.641	81.641	900.485		
A LĨNH VỰC Y TẾ						1.127.384	745.553	467.418	183.402	514.129	514.129	296.688	296.688	184.519	184.519	182.519	9.000	11.000	182.519		
<i>I Dự án chuyển tiếp</i>						942.170	647.039	467.418	183.402	417.586	417.586	296.688	296.688	101.255	101.255	101.255	7.000	7.000	101.255		
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng			7146174	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	213.633	213.633	55.391	55.391	121.368	121.368	117.708	117.708	25.000	25.000	18.000	7.000	18.000	Vương GPMB	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Cà Mau			7182289	1831/QĐ-UBND ngày 29/10/2009; 1025/QĐ-UBND ngày 27/6/2018; 1213/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	488.025	192.894	412.027	128.011	69.167	69.167	62.167	62.167			7.000	7.000	7.000	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
3	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau			7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407			43.566	43.566	33.816	33.816	4.255	4.255	4.255		4.255		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
4	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau			7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907			105.907	105.907	62.697	62.697	32.000	32.000	32.000		32.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
5	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau (thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020)			7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198			77.578	77.578	20.300	20.300	40.000	40.000	40.000		40.000		Bệnh viện đa khoa Cà Mau	
<i>II Dự án khởi công mới năm 2020</i>						185.214	98.514	0	0	96.543	96.543	0	0	83.264	83.264	81.264	2.000	4.000	81.264		
1	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2016-2020	423	132	7757509	469/QĐ-UBND ngày 21/3/2019	8.863	8.863			8.863	8.863			8.000	8.000	8.000		8.000		Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau	
2	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Nhi đồng 1 giai đoạn 2 (2016-2020)	423	132	7834487	1895/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	39.219	39.219			37.364	37.364			37.364	37.364	37.364		37.364		Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau	
3	Dự án đầu tư hệ thống chụp cắt lớp vi tính cho bệnh viện đa khoa Cà Mau			7790674	1881/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	40.016	40.016			40.016	40.016			30.000	30.000	32.000	2.000	32.000	Thanh toán khối lượng thực hiện	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	
4	Công trình đầu tư xây dựng mở rộng nhà đặt máy DSA (thành đơn vị can thiệp tim mạch)			7780935	238/QĐ-SXD ngày 22/8/2019	2.116	2.116			2.000	2.000			1.900	1.900	1.900		1.900		Bệnh viện đa khoa Cà Mau	
5	Đổi ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (sử dụng vốn ODA của Ngân hàng Phát triển châu Á)				6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018	95.000	8.300			8.300	8.300			6.000	6.000	2.000	4.000	2.000	Qua rà soát, khả năng chi giải ngân 2.000 triệu đồng trong năm 2020	Sở Y tế	
B LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO						443.731	443.731	-	-	437.898	437.898	107.024	107.024	241.271	241.271	246.666	6.250	855	246.666		
<i>I Dự án chuyển tiếp</i>						179.242	179.242	0	0	175.754	175.754	107.024	107.024	50.542	50.542	55.547	5.600	595	55.547		
1	Trường Trung học cơ sở Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển	.073		7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.565	12.565			11.677	11.677	7.977	7.977	3.700	3.700	3.700		3.700		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
2	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	.073		7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970			8.997	8.997	6.297	6.297	2.700	2.700	2.700		2.700		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
3	Trường THCS Tân Lợi, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình	.073		7722036	282/QĐ-SXD ngày 27/9/2018	14.693	14.693			14.693	14.693	5.000	5.000	5.800	5.800	5.800		5.800		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
4	Một số hạng mục công trình tại Trường THPT Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	.073		7707937	309/QĐ-SXD ngày 22/10/2018	14.864	14.864			14.864	14.864	12.000	12.000	1.805	1.805	1.805		1.805		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22
5	Nâng cấp Trường THPT Trần Văn Thời đạt chuẩn quốc gia		.073	7707938	1775/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 1237/QĐ-UBND ngày 09/7/2020	30.071	30.071			30.071	30.071	14.000	14.000	6.600	6.600	11.600	5.000		11.600	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
6	Trường THPT Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi		.073	7718858	310/QĐ-SXD ngày 22/10/2018; 114/QĐ-SXD ngày 10/5/2019	12.377	12.377			12.377	12.377	10.000	10.000	1.201	1.201	1.161		40	1.161	Đầu thầu giám giá	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
7	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phi Hồng, huyện Trần Văn Thời		.073	7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018; 273/QĐ-SXD ngày 25/8/2020	13.302	13.302			13.302	13.302	11.000	11.000	1.329	1.329	1.929	600		1.929	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
8	Trường THCS Tân Hưng, huyện Cái Nước		.073	7749540	349/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	13.678	13.678			13.550	13.550	7.000	7.000	6.550	6.550	6.550			6.550		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
9	Trường THCS Cái Nước, huyện Cái Nước		.073	7728614	365/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	12.999	12.999			12.500	12.500	10.000	10.000	2.500	2.500	2.497		3	2.497	Quyết toán hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
10	Trường Tiểu học - THCS Võ Thị Sáu, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước		.073	7743388	372/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.959	14.959			14.959	14.959	11.500	11.500	3.357	3.357	2.805		552	2.805	Quyết toán hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
11	Trường Trung học cơ sở Hoàng Xuân Nhì, xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh		.073	7741354	352/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.707	14.707			14.707	14.707	6.125	6.125	8.000	8.000	8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
12	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh		.073	7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.057	14.057			14.057	14.057	6.125	6.125	7.000	7.000	7.000			7.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
II	Dự án khởi công mới năm 2020					264.489	264.489	0	0	262.144	262.144	0	0	190.729	190.729	191.119	650	260	191.119		
1	Trường TH-THCS Trần Thới, huyện Cái Nước		.073	7790917	341/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	13.765	13.765			13.765	13.765			10.000	10.000	10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
2	Trường TH-THCS Đông Hưng, huyện Cái Nước		.073	7802412	321/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.470	12.470			12.470	12.470			10.000	10.000	10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Trường THCS Tam Giang Đông, huyện Năm Căn		.073	7822451	348/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	11.980	11.980			11.980	11.980			6.900	6.900	6.900			6.900		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
4	Trường THCS Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển		.073	7813735	343/QĐ-SXD ngày 29/10/2019	3.937	3.937			3.937	3.937			3.500	3.500	3.500			3.500		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
5	Trường THCS xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển		.073	7812437	340/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	5.949	5.949			5.949	5.949			5.400	5.400	5.400			5.400		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
6	Trường THCS xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển		.073	7811623	357/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	10.946	10.946			10.946	10.946			5.000	5.000	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
7	Trường THCS Tân Phong, xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình		.073	7799392	349/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.701	14.701			14.701	14.701			13.000	13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
8	Trường THCS Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Thới Bình		.073	7799955	339/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.960	14.960			14.960	14.960			13.000	13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
9	Trường THCS thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình		.073	7799393	338/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.970	14.970			14.970	14.970			13.000	13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
10	Trường THCS Nguyễn Văn Tố, xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh		.073	7816618	330/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	8.925	8.925			8.925	8.925			4.000	4.000	4.000			4.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
11	Trường TH-THCS Nguyễn Bình Khiêm, xã Khánh Lâm, huyện U Minh		.073	7816920	343/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	14.950	14.950			14.950	14.950			5.000	5.000	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
12	Trường THCS Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi		.073	7799949	320/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	9.024	9.024			9.024	9.024			8.530	8.530	8.528		2	8.528	Giám chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
13	Trường THCS Thới Phong, xã Ta An Khương Đông, huyện Đầm Dơi		.073	7812189	318/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	8.065	8.065			8.065	8.065			6.928	6.928	6.786		142	6.786	Giám chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
14	Trường THCS Ngọc Chánh, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi		.073	7810138	332/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	9.815	9.815			9.815	9.815			7.600	7.600	7.558		42	7.558	Giám chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
15	Trường THCS Dương Thị Cẩm Vân, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi		.073	7791527	337/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	9.875	9.875			9.875	9.875			9.371	9.371	9.297		74	9.297	Giám chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
16	Trường THCS Phong Lạc, huyện Trần Văn Thới		.073	7808863	360/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	8.997	8.997			8.997	8.997			8.000	8.000	8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thới

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Dự xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22
17	Trường THCS 2 Lợi An, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời		.073	7835810	364/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.819	7.819			7.819	7.819				7.000	7.000			7.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
18	Trường THCS Gò Công, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân		.073	7826309	352/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.878	14.878			14.878	14.878				13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
19	Trường THCS Mỹ Bình, xã Phú Tân, huyện Phú Tân		.073	7826308	358/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	11.985	11.985			11.985	11.985				10.000	10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
20	Trường THPT Phan Ngọc Hiến, huyện Năm Căn		.073	7781478	1896/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.443	23.443			21.098	21.098				10.000	10.000			10.000		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO
21	Trường THPT Võ Thị Hồng, huyện Trần Văn Thời		.073	7717858	325/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	14.976	14.976			14.976	14.976				8.000	8.000			8.000		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO
22	Trường THPT Huỳnh Phú Hồng, huyện Trần Văn Thời		.073	7781479	326/QĐ-SXD ngày 25/10/2019; 274/QĐ-SXD ngày 25/8/2020	5.432	5.432			5.432	5.432				4.500	4.500	5.150	650	5.150	Bổ sung thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO
23	Trường THPT Thái Thanh Hòa, huyện Đầm Dơi		.073	7781477	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.627	12.627			12.627	12.627				9.000	9.000			9.000		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI					335.906	181.515	21.780	19.761	287.182	146.930	53.354	53.354	62.489	45.800	56.800	18.000	7.000	56.800		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					<i>238.694</i>	<i>114.555</i>	<i>21.780</i>	<i>19.761</i>	<i>189.970</i>	<i>79.970</i>	<i>53.354</i>	<i>53.354</i>	<i>11.600</i>	<i>11.600</i>	<i>21.100</i>	<i>9.500</i>	<i>0</i>	<i>21.100</i>		
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phú Tân (giai đoạn 1)			7275887	1659/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	39.977	39.977	19.761	19.761	20.216	20.216	15.430	15.430	4.700	4.700				4.700		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tàn tật tỉnh Cà Mau			7618944	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.210	18.210			16.389	16.389	11.449	11.449	4.900	4.900				4.900		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yên - Bình Hưng			7258703	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	2.019	-	43.365	43.365	26.475	26.475	2.000	2.000				2.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Diêm đụt lịch Dắt Mũi thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau			7560286	542/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1270/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 1668/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	133.639	9.500			110.000						9.500	9.500		9.500	Bổ sung danh mục và bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Giao thông
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>					<i>97.212</i>	<i>66.960</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>97.212</i>	<i>66.960</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>50.889</i>	<i>34.200</i>	<i>35.700</i>	<i>8.500</i>	<i>7.000</i>	<i>35.700</i>		
1	Dự án đầu tư mua sắm xe truyền hình lưu động chuẩn HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau			7817027	1882/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.875	20.700			29.875	20.700				10.700	10.700			10.700		Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau
2	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình			7807092	1901/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.260	29.260			29.260	29.260				15.000	15.000	8.000	7.000	8.000	Qua rà soát, khả năng giải ngân trong năm 2020 khoảng 08 tỷ đồng	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
3	Công trình cải tạo, nâng cấp Trường đại học Nghêu Hòn Khoai, huyện Năm Căn			7796342	472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.184	8.500			12.184	8.500				12.189	8.500	8.500		8.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu du lịch Lăng nghệ thuật Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau	341		7755813	119/QĐ-SXD ngày 14/5/2019; 1363/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	25.893	8.500			25.893	8.500				13.000		8.500	8.500	8.500	Bổ sung danh mục và bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Giao thông
D	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					489.699	437.229	5.802	-	412.439	403.981	200.926	192.468	121.900	121.900	124.943	7.486	4.443	124.943		
<i>a)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					<i>300.162</i>	<i>247.692</i>	<i>5.802</i>	-	<i>240.368</i>	<i>231.910</i>	<i>199.627</i>	<i>191.169</i>	<i>29.900</i>	<i>29.900</i>	<i>29.943</i>	<i>1.786</i>	<i>1.743</i>	<i>29.943</i>		
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tở)			7007534	614/QĐ-UBND ngày 08/4/2014	126.362	73.892	5.802	-	73.892	73.892	73.892	73.892	8.000	8.000	8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
2	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn			7664663	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 906/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	28.976	28.976			26.078	26.078	21.669	21.669	2.900	2.900	3.286	386		3.286	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thị Tường, huyện Trần Văn Thời			7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	44.258			39.832	39.832	24.200	24.200	7.000	7.000	5.257		1.743	5.257	Vương GPMB cầu Lưng Trường	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư					Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)		Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22			
4	Dự án đầu tư xây dựng mới 03 cầu (cầu Xi Tọc, cầu Trung Đoàn và cầu Công An) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn			7562293	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	46.165	46.165			46.165	46.165	41.408	41.408				1.400	1.400		1.400	Hoàn trả tem ứng ngân sách	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
5	Cầu qua sông Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân			7603197	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	54.401	54.401			54.401	45.943	38.458	30.000	12.000	12.000	12.000				12.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
B)	Dự án khởi công mới năm 2020					189.537	189.537			172.071	172.071	1.299	1.299	92.000	92.000	95.000	5.700	2.700		95.000				
1	Cầu bắc ngang sông Cái Tàu, huyện U Minh			7596751	1863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	88.954	88.954			80.058	80.058	412	412	30.000	30.000	32.700	2.700			32.700	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
2	Cầu Xóm Ruộng, huyện Đầm Dơi			7636415	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.520	34.520			31.068	31.068	429	429	20.000	20.000	17.300		2.700		17.300	Vấn đồng người dân di dời (không chi trả GPMB)	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
3	Cầu Cơi Năm và cầu Kênh Đóm, huyện Trần Văn Thời			7652205	1758/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	26.425	26.425			23.782	23.782	458	458	14.000	14.000	14.000				14.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường nhựa Kênh T21 (đoạn từ cầu kênh T21 đến giáp đường công Khì Diên Đạm), huyện U Minh			7734354	1357/QĐ-UBND ngày 13/02/2019	24.742	24.742			22.267	22.267			19.000	19.000	19.000				19.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
5	Cầu Đinh Hạn trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển			7794716	1012/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.896	14.896			14.896	14.896			9.000	9.000	12.000	3.000			12.000	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
E	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					2.404.021	342.914	30.000		1.212.830	313.272	518.005	101.832	680.852	138.797	134.667	10.905	15.035		134.667				
4)	Dự án chuyển tiếp					2.385.319	324.212	30.000	0	1.194.128	294.570	518.005	101.832	662.816	120.761	116.433	10.672	15.000		116.433				
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	280	284	7027480	1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	134.163	21.048			54.889	19.354			54.835	19.300	19.300				19.300		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn		
2	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 và năm 2020			Nhiều công trình	515/QĐ-UBND ngày 28/3/2019; 1900/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	80.440	6.198			6.198	6.198			6.000	6.000	6.000				6.000		Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, trình UBND tỉnh quyết định phân khai sử dụng		
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	280	283	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000			474.000	21.000	210.531	9.000	192.000	12.000	12.000				12.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
4	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	280	283	7067082	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	29.948					15.430	10.000	9.950	9.950	9.950				9.950		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
5	Đổi ứng Dự án Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2015 - 2020	280	282	7536253	1359/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	90.265		30.000		51.378	2.000	51.212		2.000	2.000	2.000				2.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
6	Đổi ứng Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	280	284	7605935	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	90.000			341.645	90.000	7.143	7.143	237.120	22.000	14.000		8.000		14.000	Đo chưa phê duyệt TKBVTC hồ chứa nước ngọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
7	Đổi ứng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các công đồng để bề nổi thương ven biển Việt Nam" do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc	280	283	7692036	479/QĐ-UBND ngày 21/3/2018; 1955/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	81.587	1.983			1.983	1.983	689	689	511	511	611	100			611	Thanh toán khối lượng thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
8	Dự án đầu tư xây dựng Kê cấp bách tại Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau			7296707	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1819/QĐ-UBND ngày 30/12/2017	234.955	64.651			64.651	64.651	78.000	30.000	140.400	29.000	29.000				29.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT		
9	Dự án xây dựng kê cấp bách bảo vệ bờ biển Đông Khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xoáy, huyện Ngọc Hiển	280	283	7723473	1117/QĐ-UBND ngày 08/7/2019	134.384	24.384			134.384	24.384	110.000				10.572	10.572			10.572	Bổ sung danh mục và bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT		

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Để xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22
10	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau				Các Quyết định	135.794	65.000			65.000	65.000	45.000	45.000	20.000	20.000	13.000	0	7.000	13.000		
	<i>Trong đó:</i>																				
10,1	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn			7084308	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	46.985	17.665	19.392		17.665	17.665	12.665	12.665	5.000	5.000	5.000			5.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
10,2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Trần Văn Thời			7006177	1340/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	72.711	72.711	18.583		27.050	27.050	12.050	12.050	15.000	15.000	8.000		7.000	8.000	Dự kiến trong năm 2020 chỉ giải ngân khoảng 08 tỷ đồng	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
	<i>b) Dự án khởi công mới năm 2020</i>					18.702	18.702	-	-	18.702	18.702	-	-	18.036	18.036	18.234	233	35	18.234		
1	Công trình xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	280	311	7778006	244/QĐ-SXD ngày 28/8/2019	14.440	14.440			14.440	14.440			13.842	13.842	14.075	233	0	14.075	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Công trình nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước tại Tru sở Vườn Quốc gia U Minh hạ và lắp đặt mới tuyến ống kênh T19	280	311	7753193	72/QĐ-SXD ngày 04/4/2019	4.262	4.262			4.262	4.262			4.194	4.194	4.159		35	4.159	Đã hoàn thành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	G CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG					686.264	608.683	148.492	-	472.966	95.703	225.253	407	114.782	99.782	129.639	30.000	143	129.639		
	<i>a) Dự án chuyển tiếp</i>					627.887	550.306	148.492	-	417.263	40.000	224.846	-	78.429	63.429	75.286	12.000	143	75.286		
1	Cầu qua sông Tắc Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau			7440195	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	191.301			172.171	25.000	49.838		15.000	15.000	15.000			15.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Hành lang ven biển phía Nam đến điểm du lịch sinh thái Sông Trẹm			7498224	1679/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	115.525	115.525			89.755		89.755		10.143	10.143	10.000		143	10.000	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau	292		7404890	1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	231.080	131.828		82.020	15.000	39.500		38.286	38.286	38.286			38.286		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân			7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	12.400	16.664		73.317		45.753		15.000		12.000	12.000		12.000	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
	<i>b) Dự án khởi công mới năm 2020</i>					58.377	58.377	-	-	55.703	55.703	407	407	36.353	36.353	54.353	18.000	-	54.353		
1	Cầu Cây Dương, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi			7799948	1011/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.027	14.027			11.353	11.353			11.353	11.353	11.353			11.353		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Phan Ngọc Hiến (nối dài), huyện Phú Tân			7603666	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.350	44.350			44.350	44.350	407	407	25.000	25.000	43.000	18.000		43.000	Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ công trình	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
	H VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					4.384.361	-	-	-	-	-	-	-	12.184	11.684	5.251	-	6.433	5.251		
1	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau				05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	3.322.575								650	650	650			650		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Dự án xây dựng tuyến đường từ xã Tân Trung (đầu nối đường Lương Thế Trân - Đầm Dơi) đến đường trục chính Đông Tây			7817443	1903/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	44.035								470	470	470			470		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Hệ thống thoát nước đường Hải Thượng Lãn Ông			7817445	1904/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.844								288	288	288			288		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ràng - Sông Đốc đoạn qua nội ô thị trấn Trần Văn Thời (từ cầu Rạch Ràng đến đường số 11).			7817444		38.438								276	276	260	16		260	Đang lập BCDXCTDT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 260 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
5	Dự án đầu tư nâng cấp đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ ngã tư Xóm Ruộng đến thị trấn Đầm Dơi)			7825447	631/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	58.876								900	400	400			400		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
6	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Bến cá Hồ Gùi				8469/UBND-XĐ ngày 13/11/2019	60.821								400	400	0	400		0	Chưa phê duyệt BCKTKT	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vinh (ngã tư Vòng xoay đến Vàm Xáng Cãi Ngay), huyện Năm Căn													500	500	500			500		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Để xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22
8	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Bến phà xã Hiệp Tùng - Lâm trường 184 đến Bến phà qua xã Tam Giang, đầu nối tuyến đường ô tô về trung tâm xã Tam Giang, huyện Năm Căn													400	400	400			400		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
9	Dự án xây dựng cầu Trảng Cò và cầu Rạch Ruộng			7630354	15/HĐND-TT ngày 23/0/2017	85.772								300	300	283		17	283	Chưa phê duyệt BCKTKT	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
10	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đồi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	280	284	7791469	1135/QĐ-TTg ngày 04/9/2019	750.000								8.000	8.000	2.000		6.000	2.000	Do điều chỉnh Phương án tuyển	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
I	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG SAU QUYẾT TOÁN									5.512	5.512	4.304	4.304	20.000	10.000	20.000			20.000		Sở Tài chính trình phân khai sử dụng
K	DỰ PHÒNG									356.734	356.734	39.314	39.314	36.732	36.732	-		36.732		Điều chỉnh giảm bổ sung vốn cho các dự án nêu trên	

PHỤ LỤC III
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2019 CHUYỂN SANG NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lý do vốn đã giải ngân từ đầu đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(15+17)-18	20	21
	TỔNG SỐ					297.576	282.308	0	120.023	120.023	101.718	101.718	23.309	23.309	23.309	2.814	2.814	23.309		
A	GIAO THÔNG					26.260	26.260	0	25.291	25.291	4.412	4.412	2.667	2.667	5.122	2.684	229	5.122		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					2.849	2.849	0	1.880	1.880	1.430	1.430	450	450	221	0	229	221		
1	Tiểu dự án GPMB và rà phá bom mìn, vật nổ phục vụ xây dựng các cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Cà Mau, thuộc Dự án LRAMP			7737506	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	2.849	2.849		1.880	1.880	1.430	1.430	450	450	221		229	221	Đã thực hiện hoàn thành rà phá bom mìn và kết thúc Dự án Lramp giai đoạn I	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					23.411	23.411	0	23.411	23.411	2.982	2.982	2.217	2.217	4.901	2.684	0	4.901		
1	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiềm Lâm, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân			7685902	382/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	23.411	23.411	0	23.411	23.411	2.982	2.982	2.217	2.217	4.901	2.684		4.901	Thanh toán khối lượng thực hiện và chi trả GPMB	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
C	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ					23.556	23.556	0	11.790	11.790	10.006	10.006	78	78	78	0	0	78		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					23.556	23.556	0	11.790	11.790	10.006	10.006	78	78	78	0	0	78		
1	Tuyến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân			7608568	273/QĐ-SXD ngày 11/10/2016	8.694	8.694	0	7.932	7.932	7.604	7.604	75	75	75			75		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Dự án đầu tư xây dựng đường đèo nối Quốc lộ 1A và dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	292		7598225	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862		3.858	3.858	2.402	2.402	3	3	3			3		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
D	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					6.928	6.928	0	6.928	6.928	2.285	2.285	4.076	4.076	3.017	0	1.059	3.017		
<i>I</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					6.928	6.928	0	6.928	6.928	2.285	2.285	4.076	4.076	3.017	0	1.059	3.017		
1	Dự án "Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2018-2020"			7738768	1773/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.928	6.928		6.928	6.928	2.285	2.285	4.076	4.076	3.017		1.059	3.017	Do thay đổi thiết bị mua sắm có giá trị thấp hơn	Sở Tài nguyên và Môi trường
E	KHÔI ĐÀNG, NHÀ NƯỚC					67.894	67.894	0	64.715	64.715	32.972	32.972	1.881	1.881	2.011	130	0	2.011		
<i>I</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					67.894	67.894	0	64.715	64.715	32.972	32.972	1.881	1.881	2.011	130	0	2.011		
1	Trụ sở hành chính phường I, thành phố Cà Mau	361		7619588	142/QĐ-SXD ngày 17/3/2017	13.558	13.558		13.558	13.558	11.530	11.530	590	590	590			590		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
2	Hội trường và Khối đoàn thể xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	341		7724751	400/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	7.742	7.742		7.742	7.742	7.240	7.240	293	293	423	130		423	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
3	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển			7682985	423/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	7.285	7.285		7.000	7.000	4.254	4.254	746	746	746			746		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
4	Công trình đầu tư xây dựng 03 nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy			7373320	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309	0	36.415	36.415	9.948	9.948	252	252	252			252		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
G	AN NINH - QUỐC PHÒNG					172.938	157.670	0	11.299	11.299	52.044	52.044	14.607	14.607	13.081	0	1.526	13.081		
1	Các dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư					161.462	146.194	0	0	0	42.266	42.266	13.125	13.125	11.599	0	1.526	11.599		
<i>a)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					161.462	146.194	0	0	0	42.266	42.266	13.125	13.125	11.599	0	1.526	11.599		

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tăng (+)	Giảm (-)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(15+17)-18	20	21
1	Sở Chỉ huy thống nhất, tỉnh Cà Mau			7004686	1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	130.927				29.801	29.801	11.599	11.599	11.599			11.599		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Năm Căn			7004686	4096/QĐ-BQP ngày 24/10/2013	30.535	15.267				12.465	12.465	1.526	1.526	0		1.526	0	Hoàn thành	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Các công trình do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư					11.476	11.476	0	11.299	11.299	9.778	9.778	1.482	1.482	1.482	0	0	1.482		
a)	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					6.480	6.480	0	6.439	6.439	5.653	5.653	746	746	746	0	0	746		
1	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Tàu/Đồn Biên phòng Đất Mũi			7004686	1485/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	6.480	6.480		6.439	6.439	5.653	5.653	746	746	746			746		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
b)	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					4.996	4.996	0	4.860	4.860	4.124	4.124	736	736	736	0	0	736		
1	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Hương Mai/Đồn Biên phòng Khánh Tiến			7004686	1481/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	4.996	4.996		4.860	4.860	4.124	4.124	736	736	736			736		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau

PHỤ LỤC IV
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2019 CHUYỂN SANG NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lý do giải ngân từ đầu năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)		Giảm (-)				
					6	7	8		9	10	11	12	13	14		15	16			
	TỔNG SỐ					1.517.520	616.519	0	1.092.077	579.077	638.928	368.370	46.661	46.661	46.661	972	972	46.661		
A	LĨNH VỰC Y TẾ					240.512	240.512	0	227.051	227.051	91.038	91.038	31.810	31.810	31.810	0	0	31.810		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					154.314	154.314	0	149.473	149.473	90.001	90.001	12.547	12.547	12.547	0	0	12.547		
1	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau			7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407		43.566	43.566	27.304	27.304	1.722	1.722	1.722			1.722		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau			7541537	1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907	0	105.907	105.907	62.697	62.697	10.825	10.825	10.825			10.825		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					86.198	86.198	0	77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263	0	0	19.263		
1	Đề án xây dựng các bệnh viện tỉnh (Bệnh viện đa khoa Cà Mau và Bệnh viện Sản - Nhi) làm vệ tinh các bệnh viện TP.HCM giai đoạn 2016 - 2020					86.198	86.198		77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263			19.263		
	<i>Trong đó:</i>																			
1.1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020			7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198		77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263			19.263		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					174.479	174.479	0	164.229	164.229	142.510	134.952	5.348	5.348	5.707	415	56	5.707		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					74.344	74.344	0	69.130	69.130	66.341	58.783	816	816	760	0	56	760		
1	Trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau			7536929	1601/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 và quyết định (điều chỉnh) số 914/QĐ-UBND ngày 31/5/2019	48.444	48.444		48.131	48.131	45.868	38.310	172	172	172			172		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trường THCS Trần Quốc Toản, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước	073		7679835	428/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.930	14.930	0	14.500	14.500	13.675	13.675	442	442	386		56	386	Quyết toán hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	073		7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970		6.499	6.499	6.798	6.798	202	202	202			202		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					100.135	100.135	0	95.099	95.099	76.169	76.169	4.532	4.532	4.947	415	0	4.947		
1	Xây dựng 06 phòng học tại Trường THPT Viên An, huyện Ngọc Hiển	070	074	7707936	307/QĐ-SXD 19/10/2018	7.178	7.178		7.178	7.178	6.516	6.516	170	170	398	228		398	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
2	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời			7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018	13.272	13.272		13.272	13.272	10.745	10.745	255	255	255			255		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
3	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời			7742165	334/QĐ-SXD ngày 25/10/2018	11.448	11.448		11.448	11.448	9.576	9.576	786	786	786			786		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
4	Trường Trung học cơ sở Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi		073	7748378	399/QĐ-SXD 31/10/2018	14.961	14.961	0	14.500	14.500	14.437	14.437	63	63	250	187		250	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
5	Xây dựng sửa chữa Trường Trung học cơ sở xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển			7725814	348/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	5.485	5.485		4.810	4.810	3.194	3.194	1.000	1.000	1.000			1.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
6	Trường Trung học cơ sở Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển			7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.564	12.564		9.800	9.800	7.977	7.977	23	23	23			23		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
7	Trường THCS Đặng Tấn Triệu, xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân			7724329	298/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	11.190	11.190		10.596	10.596	10.000	10.000	451	451	451			451		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
8	Trường THCS Việt Khái, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân			7724328	314/QĐ-SXD ngày 23/10/2018	9.925	9.925		9.383	9.383	9.000	9.000	383	383	383			383		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
9	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh			7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.112	14.112		14.112	14.112	4.724	4.724	1.401	1.401	1.401			1.401		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
C	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					1.102.529	201.528	0	700.797	187.797	405.380	142.380	9.503	9.503	9.144	557	916	9.144		

I	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới					214.495	155.780	0	142.049	142.049	113.042	113.042	6.093	6.093	5.875	557	775	5.875		
a)	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					170.237	115.865	0	106.849	106.849	89.953	89.953	4.982	4.982	4.764	557	775	4.764		
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)			7007534	614/QĐUBND ngày 08/4/2014	126.362	71.990		71.990	71.990	62.215	62.215	775	775	0		775	0	Cắt hợp đồng với nhà thầu	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
2	Tuyến đường đèo nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Diều, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển			7665156	579/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2017	14.899	14.899		10.290	10.290	10.290	10.290	121	121	121			121		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
3	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn			7664663	906/QĐ-UBND ngày 30/05/2019	28.976	28.976		24.569	24.569	17.448	17.448	4.086	4.086	4.643	557		4.643	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
b)	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					44.258	39.915	0	35.200	35.200	23.089	23.089	1.111	1.111	1.111	0	0	1.111		
1	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thị Tường, huyện Trần Văn Thời			7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	39.915		35.200	35.200	23.089	23.089	1.111	1.111	1.111			1.111		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
II	<i>Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu</i>					888.034	45.748	0	558.748	45.748	292.338	29.338	3.410	3.410	3.269	0	141	3.269		
a)	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					813.046	32.343	0	485.343	32.343	220.931	17.931	2.412	2.412	2.412	0	0	2.412		
1	Đổi ứng Dự án "Nguồn lợi ven biển và sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau" (CRSD Cà Mau)	280	284	7371237	1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	313.046	11.343		11.343	11.343	10.400	10.400	943	943	943			943		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
2	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	280	283	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000		474.000	21.000	210.531	7.531	1.469	1.469	1.469			1.469		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b)	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					74.988	13.405	0	73.405	13.405	71.407	11.407	998	998	857	0	141	857		
1	Dự án xây dựng Kê cáp bích bảo vệ đê biển Tây kết hợp xây dựng khu tái định cư (đoạn từ công Sào Lười đến Bắc công Đá Bạc và đoạn từ Nam Đá Bạc hướng về Kênh Mới)	280	284	7700726	1049/QĐ-UBND ngày 25/6/2019	74.988	13.405		73.405	13.405	71.407	11.407	998	998	857		141	857	Dự án đã hoàn thành	Ban Quản lý các dự án ODA&NGO